

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2024

"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt

2. Ông Lê Văn Dài

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2023/TLST – DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 "Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2024/QĐST ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Huỳnh N

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: anh La M, sinh năm 1989

Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(Chị N Mắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hoà giải Nguyên đơn chị Huỳnh N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị N1M1 do quen biết tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 ngày 29/4/2016. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn nhưng chưa tổ chức lễ cưới. Trong thời gian chuẩn bị tổ chức lễ cưới thì chị N1anh M2sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau nên không tổ chức lễ cưới và không sống chung cùng nhau cho đến nay. Nay chị HN2cầu ly hôn với anh La M vì tình cảm không còn, không có khả năng đoàn tụ chung sống cùng nhau.

- *Về con chung*: không có.

- *Về tài sản chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh La M: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh LM3đơn xin vắng mặt nhưng không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh M cư trú tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024. Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 84/QĐST – DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, vụ án được xét xử vào lúc 7 giờ 30 ngày 28 tháng 6 năm 2024 bị đơn vắng mặt có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh La M là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Giữa chị N1 xác lập mối quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 29/4/2016. Việc kết hôn giữa chị N và anh M đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chuẩn bị tổ chức lễ cưới thì chị N1anh M2sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến,

tính tình không hợp nhau nên không tổ chức lễ cưới và không sống chung cùng nhau cho đến nay và yêu cầu ly hôn với anh M

Xét thấy quan hệ hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai người, phải có tình cảm yêu thương, quan tâm đến nhau thì mới hạnh phúc. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh M, vì tình cảm không còn không có khả năng đoàn tụ chung sống với nhau. Vì vậy cho thấy mâu thuẫn giữa chị N, anh M làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định “ Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Cho nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh T là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị N1M5 có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định chị và anh M không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh M, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị N2 có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh N với anh La M.
2. *Về con chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. **Án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị N phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0004435 ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh